

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/3/2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Chí Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Chiến.

2. Ông Vũ Thanh Học.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Kim L**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ 15, Khu phố X, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu H2**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 6, Khu phố Y, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Kim L trình bày: Chị Trương Kim L và

anh Nguyễn Hữu H2 kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 28/7/2020. Trong quá trình chung sống, anh H2 lừa gạt gia đình chị L nên tình cảm vợ chồng giữa đôi bên không còn. Sau khi cưới nhau được 20 ngày thì vợ chồng không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn trong cuộc sống giữa vợ chồng không thể tự giải quyết, không hàn gắn được, cả hai không còn chung sống với nhau. Nay chị L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh H2.

Về con chung: Chị L trình bày giữa chị và anh H2 có với nhau 01 đứa con chung tên Trương Kim H3, sinh ngày 08/3/2021, giới tính nữ. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày giữa chị và anh H2 không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hữu H2 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Trương Kim L và anh Nguyễn Hữu H2 (bản chính); giấy khai sinh của con chung tên Trương Kim H3 (bản sao); sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Thị H4 (phô tô); 02 giấy CMND tên Trương Kim L, Nguyễn Hữu H2 (phô tô).

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ; gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét

xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trương Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H2. Giao con chung giữa chị L và anh H2 là cháu Trương Kim H3, sinh ngày 08/3/2021, giới tính nữ cho chị L trực tiếp nuôi và ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trương Kim L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H2 và yêu cầu được quyền nuôi con chung. Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Hữu H2 có nơi cư trú tại Khu phố Y, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Tuy nhiên, do thời gian giãn cách xã hội kéo dài để đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, bị đơn cố tình trốn tránh, không đến Tòa làm việc, nêu ý kiến nên mất nhiều thời gian xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng nên thời hạn giải quyết vụ án bị ảnh hưởng. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 28/7/2020 của Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa chị Trương Kim L và anh Nguyễn Hữu H2 có quan hệ hôn nhân, được UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang cho đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2020, nên đây là hôn nhân hợp pháp, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L với anh H2, Hội đồng xét xử xét thấy chị L trình bày cuộc sống vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống, anh H2 lừa gạt gia đình chị L nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Sau khi cưới nhau được 20 ngày thì vợ chồng anh, chị không còn chung sống với nhau. Cho đến nay giữa anh, chị cũng không về chung sống lại với nhau, không quan tâm, chăm sóc, thăm hỏi nhau và chị L không còn tình cảm với anh H2. Tình cảm vợ chồng giữa anh, chị đã không còn dẫn đến không thể tiếp tục chung sống với nhau. Qua xác minh tại địa phương của chị L và anh H2 sinh sống thì địa phương không rõ việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh, chị. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thông báo tổ chức hòa giải cho các bên nhưng anh H2 vắng mặt không lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quan hệ hôn nhân cho anh, chị. Điều này chứng tỏ anh H2 không thể hiện ý kiến, nguyện vọng mong muốn hàn gắn, đoàn tụ với chị L. Xét thấy giữa chị L và anh H2 không còn tồn tại nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không còn chung sống với nhau; hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 19 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn anh H2.

[6] Về con chung: Chị L và anh H2 có với nhau 01 đứa con chung tên Trương Kim H3, sinh ngày 08/3/2021, giới tính nữ. Chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành. Xét thấy cháu H3 dưới 36 tháng tuổi, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu, cần tiếp tục giao cháu H3 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị L không được cản trở anh H2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày giữa chị và anh H2 không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H2.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cháu Trương Kim H3, sinh ngày 08/3/2021, giới tính nữ cho chị Trương Kim L trực tiếp nuôi. Ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh Nguyễn Hữu H2 cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị L không được cản trở anh H2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh H2 không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Kim L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009347 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang, chị L không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDs Tp. H;
- UBND P. Đ, H-KG;
- Những người TGTt,
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Chí Dũng**